TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST.
Ngày 19-01-2018.
"V/v tranh chấp dân sự tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu để thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải;
2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Hiền, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 750/2016/TLST-DS, ngày 12/9/2016, về việc "tranh chấp về dân sự yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu để thi hành án" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXX-ST, ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Phú D, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1956.
Địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/ Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1945.
Địa chỉ: Tổ E, ấp F, xã G, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.
2/ Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978.
3/ Nguyễn Tấn T, sinh năm 1979.
Người đại diện hợp pháp của anh T: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978, là đại diện theo ủy quyền.
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
4/ Phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Bà Mai Trúc L, chức vụ: Trưởng phòng, là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 169, Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

5/ Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn Thương, chức vụ: Chủ tịch, là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 03, đường 30 tháng 4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Ông D có mặt. Bà N, ông T, chị Tuyền đại diện phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp và đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Phú D trình bày:

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2011/QĐST-DS, ngày 05/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, theo đó thì bà N phải có trách nhiệm trả cho ông Do số tiền 88.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành theo pháp luật. Ngày 07/01/2016 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Quyết định thi hành án chủ động số 569/QĐ-CCTHA, thi hành Quyết định nêu trên.

Ngày 18/02/2011 chấp hành viên ban hành quyết định số 16/QĐ-THA về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với quyền sử dụng đất của bà N thuộc thửa số 2112 và 2113, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh và đã gửi cho Phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/02/2011. Ngày 19/01/2011 công chứng viên thuộc phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp đã công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà N, ông Nguyễn Văn T tặng cho quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Tấn T, đối với hai thửa đất nêu theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1078 và 1079, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 19/02/2011.

Ngày 21/3/2011 chấp hành viên ban hành quyết định cưỡng chế kê biên số 30/QĐ-CCTHA đối với hai thửa đất nêu trên; ngày 01/4/2011 chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh kê biên một phần diện tích đất thửa số 2112, diện tích 203m^2 và một phần thửa 2113 diện tích 1657,4m^2 cùng cây trồng trên đất, nhưng chị T và anh Tấn T đã được cấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng tặng cho nêu trên, nên không thi hành án được.

Theo đơn khởi kiện ông D yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, lập ngày 19/02/2011 giữa bà N, ông T với chị T, anh Tấn T, đối với diện tích 1.692m^2, thửa số 2113 và diện tích 474,4m^2 thửa số 2112, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp là vô hiệu để thi hành án. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, do UBND thành phố Cao Lãnh, cấp cho chị T, anh Tấn T.

Tại buổi xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 22/12/2016, bà N xác định diện tích đất thực tế sử dụng là 1.741,4 m^2, nên tại phiên tòa ông D xác định ông yêu cầu tuyên bố phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, lập ngày 19/02/2011 giữa bà N, ông T với chị T, anh Tấn T đối với diện tích đất 1.667,8 m^2 (trong diện tích 1.741,4 m^2), ông D rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích đất 73,6 m^2 gắn liền với căn nhà của bà N. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.667,8 m^2 nêu trên, thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, do UBND thành phố Cao Lãnh, cấp cho chị Tuyền và anh Tấn Tài, để thi hành án.

Ngoài ra, trên đất có một số cây trồng của bà N đã có trước khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh kê biên, nên để do cơ quan thi hành án thi hành theo pháp luật, ông D không yêu cầu giải quyết cây trồng trên đất.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Trước khi bà N vay nợ của ông D, bà N đã nợ chị T 170.000.000 đồng vào năm 2007 và bà đã dùng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh để thế chấp nợ cho chị T chứ không phải tẩu tán tài sản. Khi vay tiền của ông D bà N không có thế chấp tài sản. Bà N chấp nhận trả cho ông D mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà N không đồng ý theo yêu cầu của ông D.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Tấn T (chị T đại diện) trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn D (cha của bà N), vì lo tuổi già, sức yếu nên làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà N đứng tên quyền sử dụng. Năm 2010, Ngân hàng báo cho chị T biết bà N thế chấp đất vay tiền, không trả lãi, ông Nguyễn Văn D nhờ chị T chuột lại đất, nên chị T và anh Tấn T phải đi vay, mượn tiền trả nợ thay cho bà N tại Ngân hàng để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, nên ông Nguyễn Văn D và các thành viên trong gia đình thống nhất đồng ý chia phần đất thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh cho chị T.

Diện tích đất đang tranh chấp nêu trên do chị T và anh Tấn T đứng tến quyền sử dụng là do chị T và anh Tấn T xuất tiền ra chuyển nhượng lại chứ không phải được bà N tặng cho. Trong thời gian làm thủ tục chuyển nhượng từ bà N sang tên chị T, anh Tấn T là khoảng thời gian dài mà Chi cục thi hành án không thông báo cho các cơ quan hữu quan ngăn chặn việc chuyển nhượng. Việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T, anh Tấn T thì không ai có quyền tranh chấp.

Chị T, anh Tấn T đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng quyền quyết định là do ông Nguyễn Văn D quyết định. Tuy ông D tuổi già, sức yếu nhưng vẫn quyết tâm sống trên đất để giữ gìn đất. Bà N chưa một lần trồng cây hay làm cỏ trên đất.Việc

những người chủ nợ tự cho bà N vay tiền thì tự chịu không liên quan đến chị T, anh Tấn T. Chị T và anh Tấn T không đồng ý theo yêu cầu của ông Bùi Phú D.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất thuộc thửa số 2112 và thửa số 2113, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh là của ông Nguyễn Văn D (cha bà N) cho bà N, ông T là chồng của bà N nên ông T cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà N phần đất nêu trên. Sau đó ông T và bà N đã tặng quyền sử dụng đất lại cho con là chị T và anh Tấn T, ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông D.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp có anh Nguyễn Văn T đại diện, trình bày:

Ngày 18/02/2011 Phòng công Phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà N, ông T tặng cho chị T và anh Tấn T đối với diện tích đất thuộc thửa số 2112, và 2113, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, nhưng do chưa đầy đủ thủ tục, đến ngày 19/02/2011 bà N cung cấp đầy đủ nên công chứng viên đã thực hiện việc công chứng xong, trong hợp đồng tặng cho bà N và ông Tài cam đoan tại thời điểm tặng cho thửa đất không có tranh chấp, không bị kê biên để thi hành. Chiều thứ sáu 18/02/2011 Phòng công chứng có nhận được công văn của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, yêu cầu tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất của bà N, văn thư chưa trình lãnh đạo, nên chưa cập nhật. Sáng thứ bảy 19/02/2011 bộ phận văn thư không có làm việc, chỉ có công chứng viên và bộ phận nghiệp vụ làm việc, nên công chứng viên không cặp nhật được công văn của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, nên đã công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông Thành đại diện phòng công chứng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đúng với quy định tại Điều 48 của Bộ luật tống tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; thu thập chứng cứ đầy đủ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định; gửi, cấp, tồng đạt cho Viện Kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử xơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Đình chỉ phần yêu cầu của ông D đối với diện tích đất 73,6 m^2 trong phạm vi các mốc A, B, C, D, G, H, M về mốc A theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ, thuộc thửa số 2112, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Phú D, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 1.667,8 m^2, theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ, thuộc thửa số 2112 và 2113, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh, đồng thời đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.667,8 m^2 nêu trên để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Bùi Phú D, khởi kiện tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu để thi hành án với bị đơn Nguyễn Thị Hồng N, đất tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh. Căn cứ vào khoản 12, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Thị Hồng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Văn T và đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh đều vắng mặt. Phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa ông D rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích đất 73,6 m^2, nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này.

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2011/QĐST-DS, ngày 05/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, thì bà Nhung phải trả cho ông D số tiền 88.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành theo pháp luật.

Ngày 07/01/2016 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Quyết định thi hành án chủ động số 569/QĐ-CCTHA, thi hành Quyết định nêu trên.

Ngày 18/02/2011, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 16/QĐ-THA, theo đó tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của bà N đối với diện tích đất thuộc thửa số 2112 và 2113, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh.

Theo khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự quy định:

"*Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì chấp hành viên thông báo cho*

người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy giấy tờ có liên quan đến giao dịch đó".

Như đã nêu trên trong vụ án này diện tích đất thuộc thửa số 2112 và 2113, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh, đã bị cơ quan thi hành án dân sự có quyết định tạm dừng việc chuyển nhượng, tặng cho, cụ thể: Ngày 18/02/2011, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sử dụng, nhưng ngày 19/02/2011, bà N lại tặng cho chị T và anh Tấn T là nhằm để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do đó yêu cầu của ông D là có căn cứ chấp nhận.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Cao Lãnh cấp cho bà N, ông T thì diện tích đất thuộc thửa số 2112 và thửa 2113 tổng diện tích là 2.667,4 m^2, nhưng tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ bà N xác định diện tích đất tổng 02 thửa là 1.741,4 m^2. Tại phiên tòa ông D chỉ yêu cầu đối với tổng diện tích 1.667,8 m^2. Do đó chấp nhận yêu cầu của ông D yêu cầu tuyên bố "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 19/02/2011 giữa bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Tấn T đối với diện tích 1.667,8 m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, F, 3, 4, A, M, G, C, B, 5, 6, 7 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) thành phố Cao Lãnh, đất thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh, là vô hiệu để thi hành án.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu, nên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.667,8 m^2 thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh của UBND thành phố Cao Lãnh cấp cho chị Tuyền và anh Tấn Tài, để thi hành án.

- Xét lời trình bày của bà N: Bà N trình bày trước khi bà N vay nợ của ông D, bà N đã nợ chị T 170.000.000 đồng vào năm 2007 và cũng đã dùng quyền sử dụng đất để thế chấp nợ này chứ không phải tẩu tán tài sản, là không có căn cứ. Bởi theo hợp đồng tặng cho ngày 19/02/2011 lập tại phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp thể hiện bà N tặng cho quyền sử dụng đất cho chị T và anh Tấn T, không phải hợp đồng chuyển nhượng.

- Xét lời trình bày của chị T và anh Tấn T: Việc chị T và anh Tấn T trình bày năm 2010 chị T và anh Tấn T trả nợ thay cho bà N tại Ngân hàng để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà thế chấp vay tại Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích trên theo Hợp đồng tặng cho ngày 19/02/2011 lập tại phòng công chứng số 1, tỉnh Đồng Tháp thể hiện bà N tặng cho quyền sử dụng đất cho chị T và anh T, không phải hợp đồng chuyển nhượng.

Việc chị T và anh Tấn T trình bày trong thời gian làm thủ tục chuyển nhượng từ bà Nhung sang tên chị T, anh Tấn T Chi cục thi hành án không thông báo cho các cơ quan hữu quan ngăn chặn việc chuyển nhượng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18/02/2011 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đã gửi cho Phòng

công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp Quyết định tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất của bà Nhung.

Việc chị T và anh Tấn T cho rằng chị T, anh Tấn T đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng quyền quyết định là do ông Nguyễn Văn D quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi tặng cho chị T và anh Tấn T thì bà N và ông T là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là tài sản của bà N và ông T, bà N là người có nghĩa vụ phải thi hành án. Do đó diện tích đất nêu trên phải được đưa ra thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.

- Xét lời trình bày của ông Nguyễn Văn T: Ông T cho rằng diện tích đất nêu trên ông T và bà N đã tặng cho con là chị T và anh Tấn T. Hội đồng xét xử xét thấy như đã phân tích nêu trên bà N là người có nghĩa vụ phải thi hành án, do đó diện tích đất nêu trên phải được đưa ra thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.

- Diện tích đất thuộc thửa số 2112 và 2113 nêu trên được cấp quyền sử dụng đất cho bà N và ông T, nhưng trong vụ án này ông T không yêu cầu chia tài sản chung với bà N, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trong quá trình thi hành án nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông D đã tạm ứng 5.028.000 đồng, yêu cầu của ông D được chấp nhận do đó bà N phải có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 5.028.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí. Bà N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Bùi Phú D đối với diện tích đất 73,6 m^2 trong phạm vi các mốc A, B, C, D, G, H, M về mốc A theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) thành phố Cao Lãnh, thuộc thửa số 2112, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Phú D, yêu cầu tuyên bố "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 19/02/2011 giữa bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Tấn T, đối với diện tích 1.667,8 m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, F, 3, 4, A, M, H, G, D, C, B, 5, 6, 7 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) thành phố Cao

Lãnh, thuộc thửa số 2112, 2113 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh vô hiệu để thi hành án.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.667,8 m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, F, 3, 4, A, M, H, G, D, C, B, 5, 6, 7 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) thành phố Cao Lãnh, thuộc thửa số 2112 và 2113, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, thành phố Cao Lãnh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00516 và CH00517, cùng ngày 08/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho chị T và anh Tấn T, để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả cho ông Bùi Phú D số tiền 5.028.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 200.000 đồng. Trả cho ông Bùi Phú D tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số 07889, ngày 07/9/2016 và số 00139, ngày 20/9/2017 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu